TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày: 15/8/2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thúy Diễm
Bà Phạm Thị Thu Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST - DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157a/2024/QĐXXST – DS ngày 07/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 94a/2024/QĐST-DS ngày 24/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: B ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T2 và bà H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2024, bản tự khai ngày 28/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn T1 trình bày:

Từ ngày 02/8/2022 đến ngày 28/10/2022 bà Phạm Thị T có bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị H, số lượng là 41 bao thức ăn chăn nuôi với giá 15.185.000 đồng. Hai bên thỏa thuận mua trả tiền liền nhưng khi

giao thức ăn thì vợ chồng ông T2, bà H không thanh toán tiền cho bà T. Do nhiều lần yêu cầu ông T2, bà H phải trả số tiền còn nợ nhưng ông T2, bà H không thực hiện nên bà T khởi kiện yêu cầu ông T2, bà H liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 15.185.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do bà T làm ăn thua lỗ nên hiện nay bà T không còn đăng ký kinh doanh.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không ghi nhận lời trình bày của ông T2 và bà H được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán" được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 Và căn cứ vào khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận của Công an xã T xác nhận ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[3] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng vào khoảng thời gian từ 02/8/2022 đến 28/10/2022 giữa bà T với vợ chồng ông T2 và bà H có thỏa thuận với nhau về việc mua bán thức ăn chăn nuôi, việc mua bán này chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có lập thành văn bản nhưng có lập sổ theo dõi thức ăn. Tính đến ngày 28/10/2022 thì ông T2 và bà H có mua của nguyên đơn tổng cộng 41 bao thức ăn chăn nuôi nhưng không thanh toán tiền. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T2 và bà H cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu của 41 bao thức ăn là 15.185.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ toàn bộ hồ sơ khởi kiện do nguyên đơn cung cấp cho ông T2 và bà H và nhiều lần mời ông T2 và bà H đến Tòa để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T2 và bà H không đến. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành thông

báo giao nộp chứng cứ yêu cầu ông T2 và bà H cung cấp chứng cứ để chứng minh ông T2 và bà H không có thiếu nguyên đơn số tiền nêu trên nhưng phía ông T2 và bà H cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi giữa nguyên đơn và bị đơn là thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên. Khi kết thúc hợp đồng mua bán các bên cũng có tiến hành chốt sổ mua bán với nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T2 và bà H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, có biết việc mình đang bị khởi kiện ở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhưng phía ông T2 và bà H không có thiện chí hợp tác trong việc giải quyết tranh chấp giữa các bên. Bên cạnh đó, ông T2 và bà H cũng không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứng tỏ ông T2 và bà H đã mặc nhiên thừa nhận số tiền còn nợ nguyên đơn là đúng.

Đồng thời, hiện nay theo trình bày của nguyên đơn thì ông T2 và bà H vẫn còn chung sống với nhau, vẫn còn tồn tại hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng, việc ông T2, bà H mua thức ăn chăn nuôi là để tạo ra nguồn thu nhập cho gia đình từ việc chăn nuôi hàng ngày. Do đó, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông T2, bà H nên việc buộc vợ chồng cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

Thấy rằng, ông T2 và bà H là vợ chồng, cùng đồng lòng mua thức ăn chăn nuôi của bà T, việc mua thức ăn chăn nuôi để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình của vợ chồng nhưng ông T2 và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên mua làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bên bán. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T2 và bà H liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 15.185.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông T2 và bà H liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 15.185.000 đồng x 5% = 758.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T3.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T3 số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 15.185.000 đồng.

Ghi nhận bà Lê Thị T3 tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị H có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 758.000 đồng.

Bà Phạm Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thanh Minh